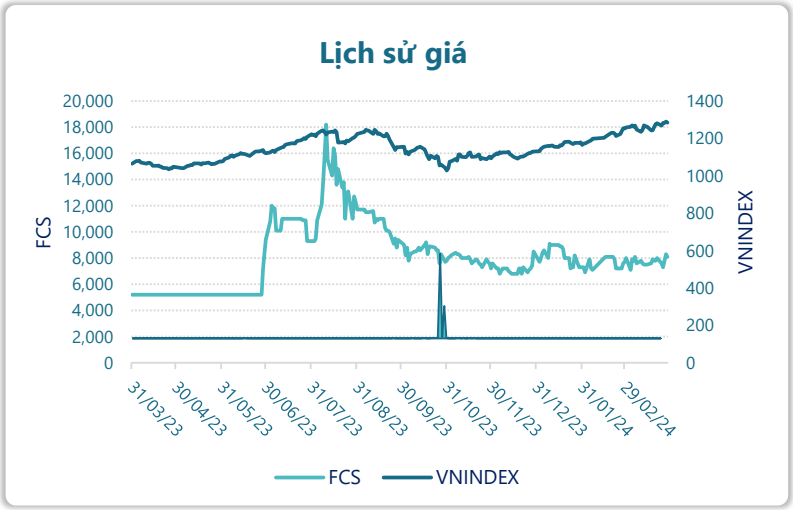
FireAnt

CTCP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh (UPCOM: FCS)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,200
SL cổ phiếu LH	29,450,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,640
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	239
P/E	238.0
EPS	34

DT thuần

Q1/24

106

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.70| 8.2%

YoY: ▲ 17.4| 20.0%

LN sau thuế

Q1/24

0.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.03| 10.6%

YoY: ▼0.01| -4.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

0.3%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2023

405

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0| 3.2%

LN sau thuế

2023

1.01

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.90| 852%

ROE

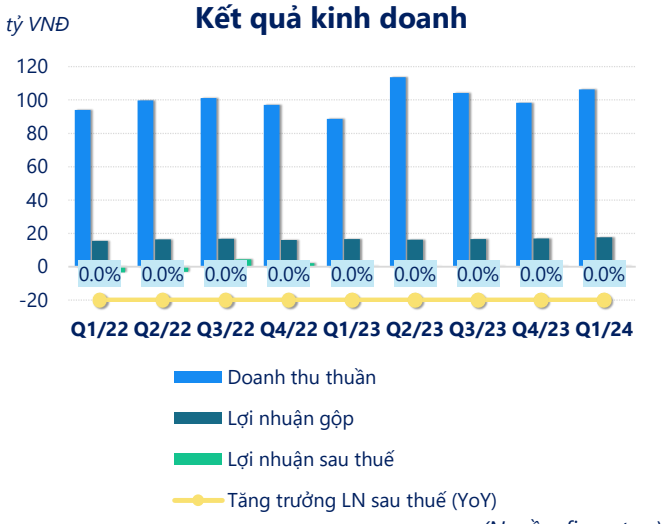
2023

1.6%

+/- YoY: ▲ 1.5%

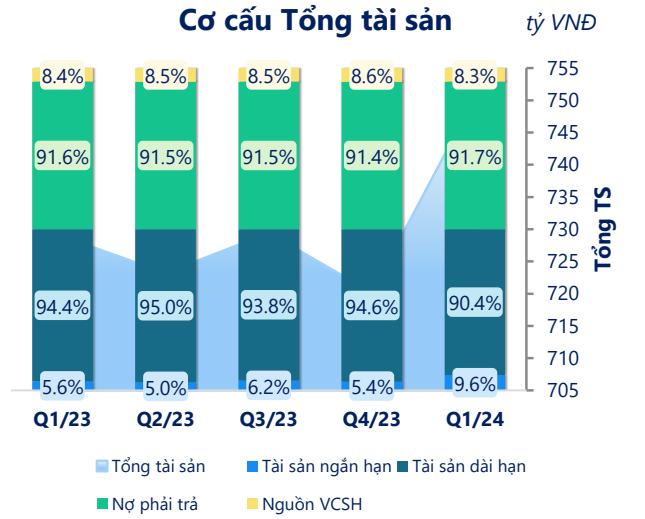
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



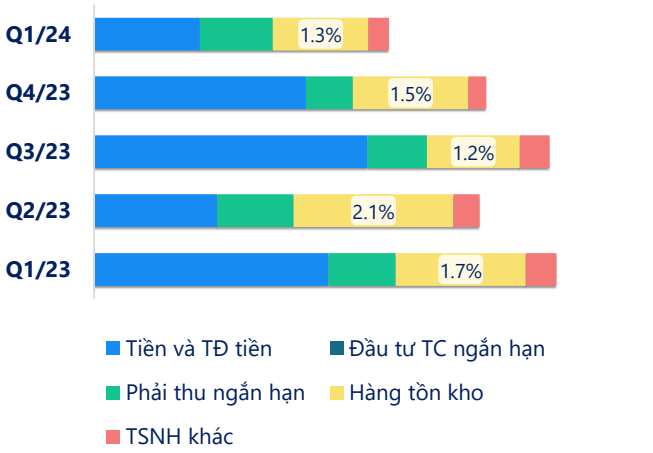
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



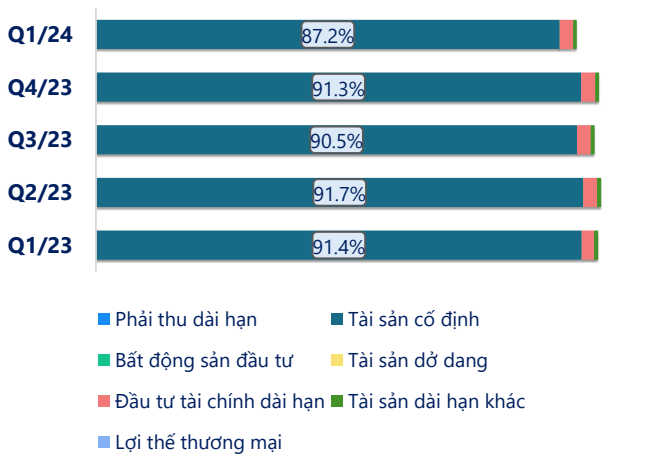
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



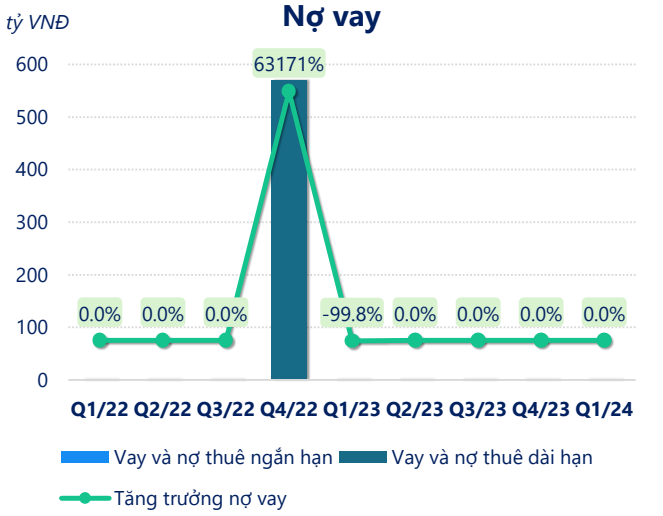
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



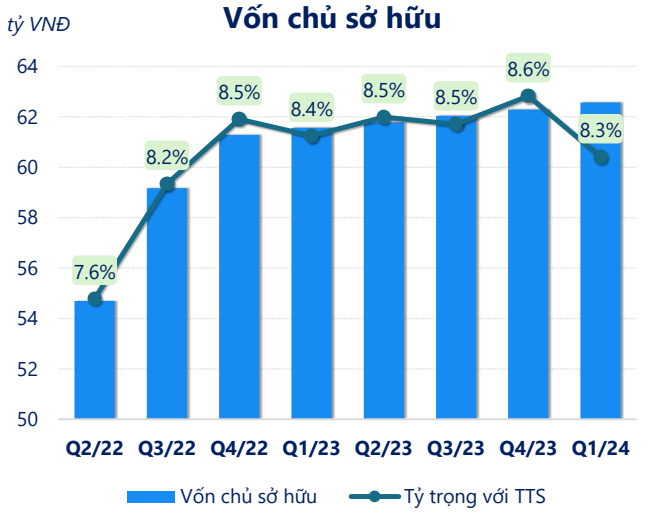
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



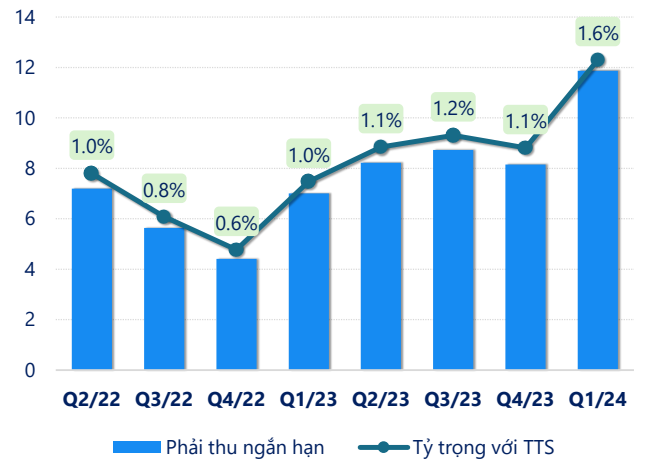
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



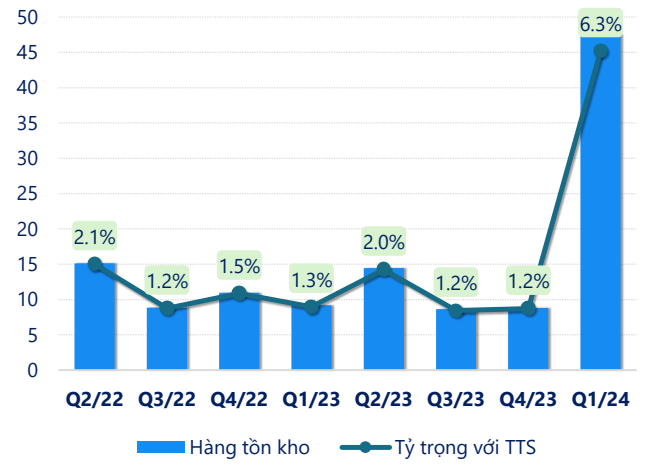
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



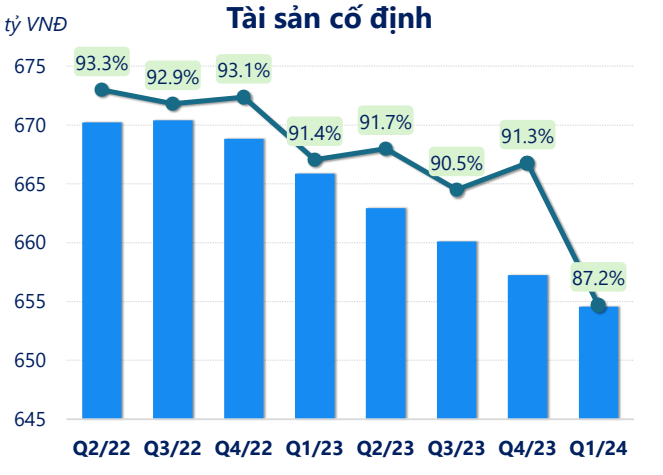
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



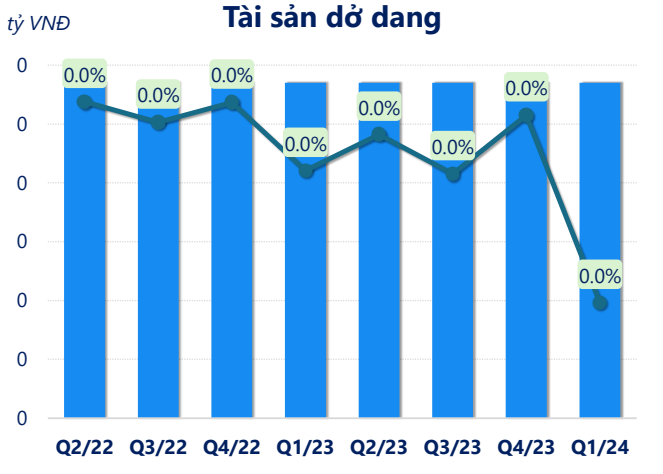
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



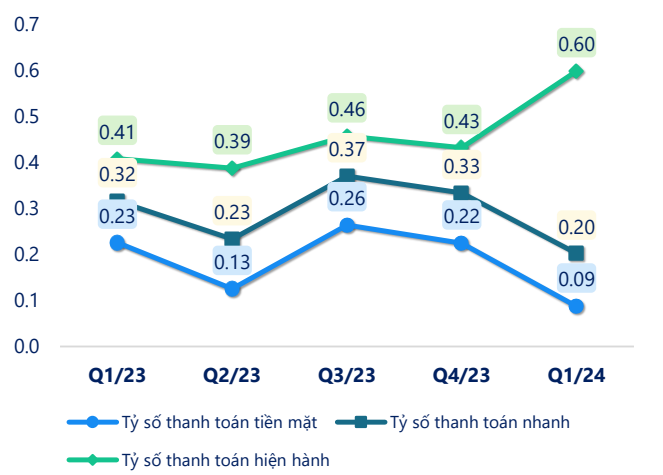
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



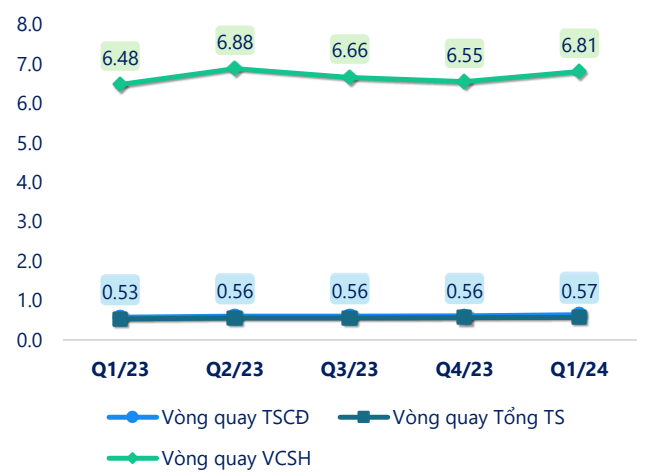
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**729**	**723**	**729**	**720**	**750**
Tài sản ngắn hạn	**40.6**	**36.3**	**45.5**	**38.7**	**71.7**
Tiền và tương đương tiền	22.5	11.7	26.2	20.1	10.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	7.01	8.23	8.73	8.16	11.9
Hàng tồn kho	9.17	14.4	8.62	8.79	47.5
Tài sản ngắn hạn khác	1.96	1.89	1.85	1.66	1.90
Tài sản dài hạn	**688**	**687**	**684**	**681**	**679**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	666	663	660	657	655
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Đầu tư tài chính dài hạn	16.7	18.4	18.4	19.0	19.0
Tài sản dài hạn khác	5.65	5.53	5.41	5.28	5.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**667**	**661**	**667**	**658**	**688**
Nợ ngắn hạn	**99.5**	**93.6**	**99.4**	**89.7**	**120**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	26.4	25.3	25.9	26.0
Nợ dài hạn	568	568	568	568	568
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**61.6**	**61.8**	**62.0**	**62.3**	**62.6**
Vốn chủ sở hữu	**61.6**	**61.8**	**62.0**	**62.3**	**62.6**
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)